CTCP VICEM Bao bì Bỉm Sơn (HNX: BPC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,446
SL cổ phiếu LH	3,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
P/E	38.1
EPS	325

	YTD	1T	3T	6T
BPC	25.3%	15.9%	25.3%	36.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

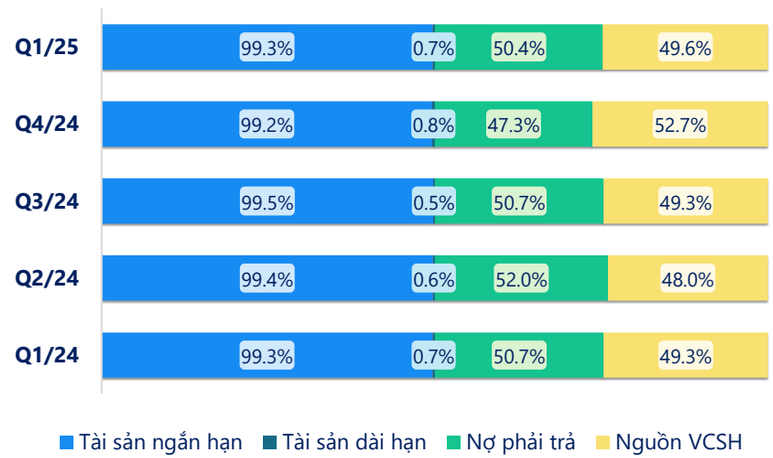

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

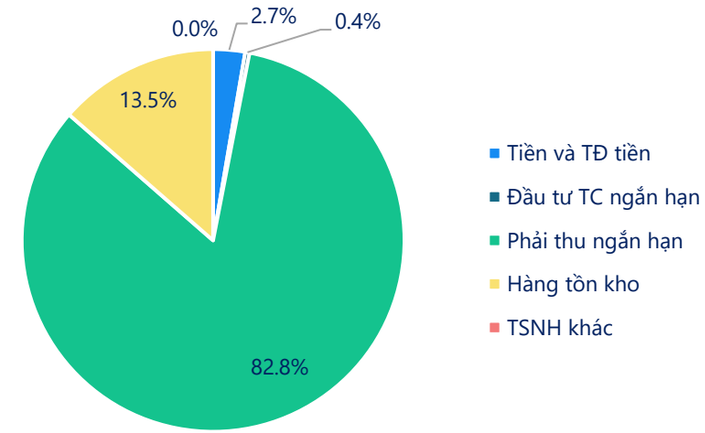

Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

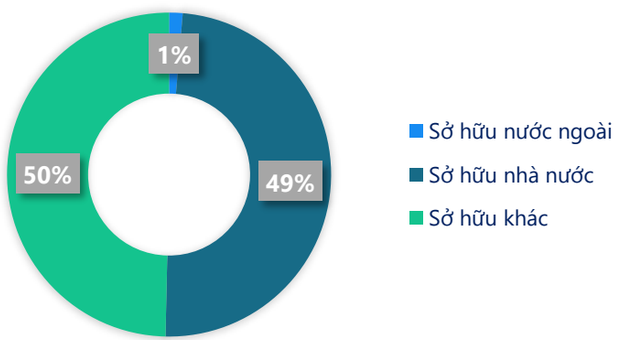

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

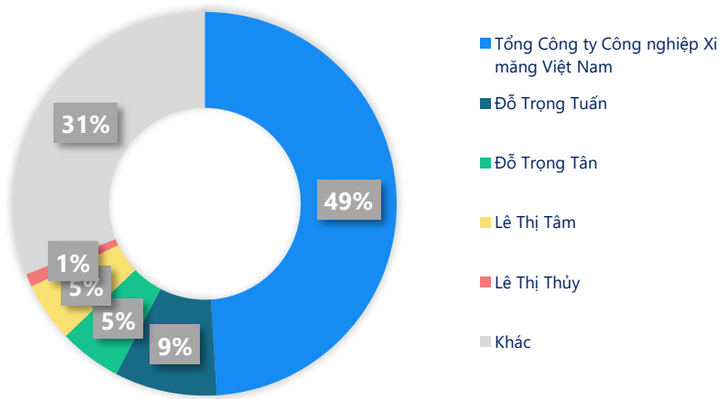

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

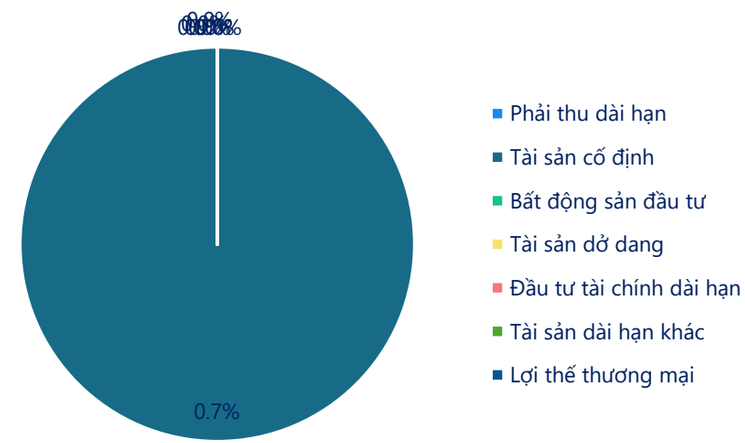

Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP VICEM Bao bì Bỉm Sơn (HNX: BPC)

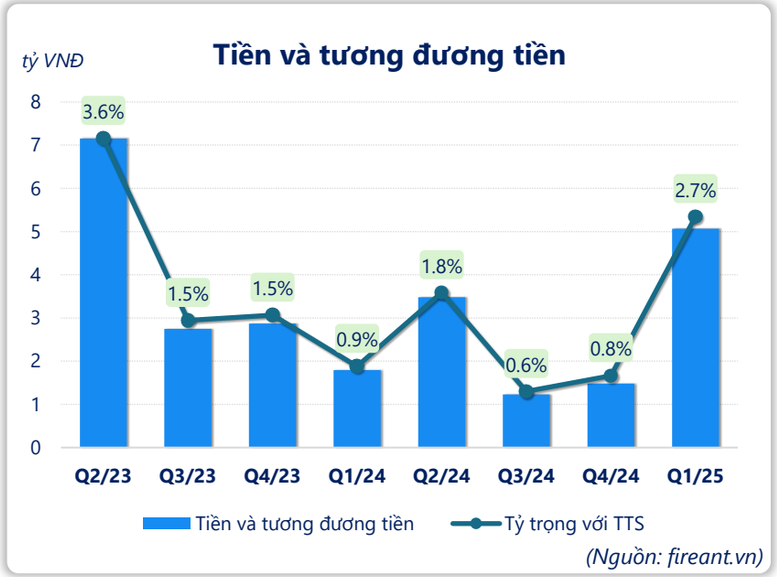

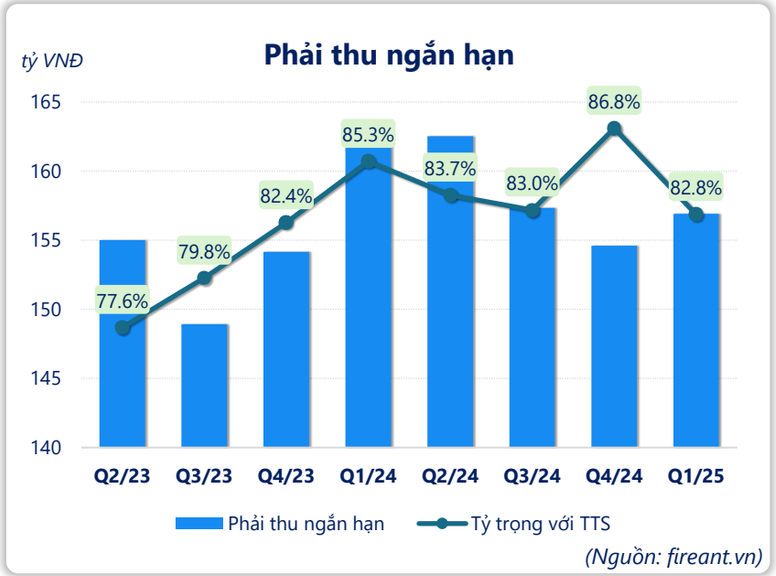

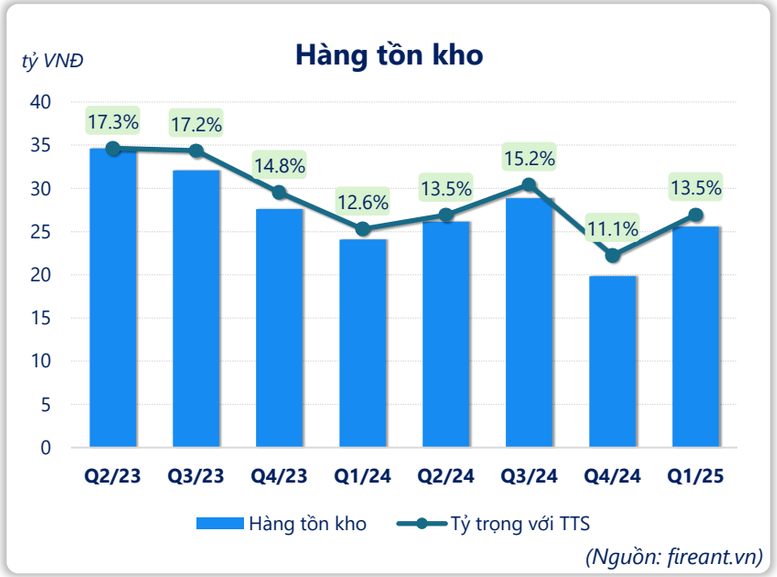

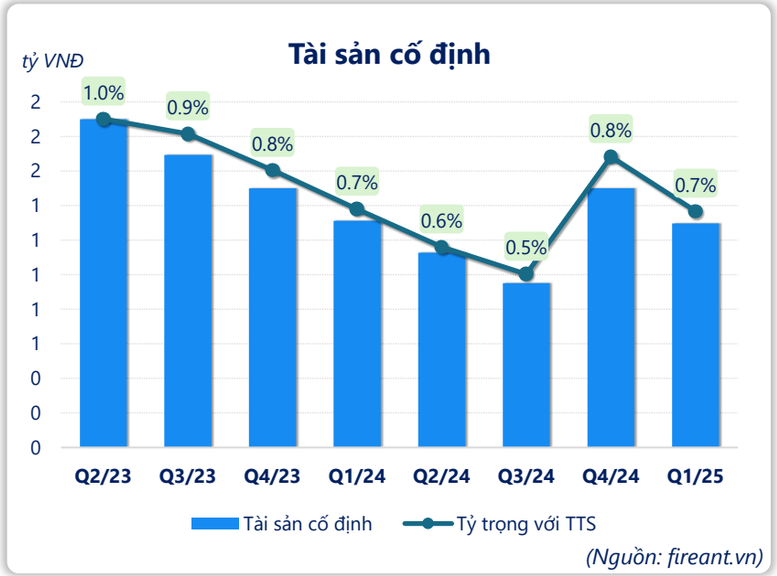

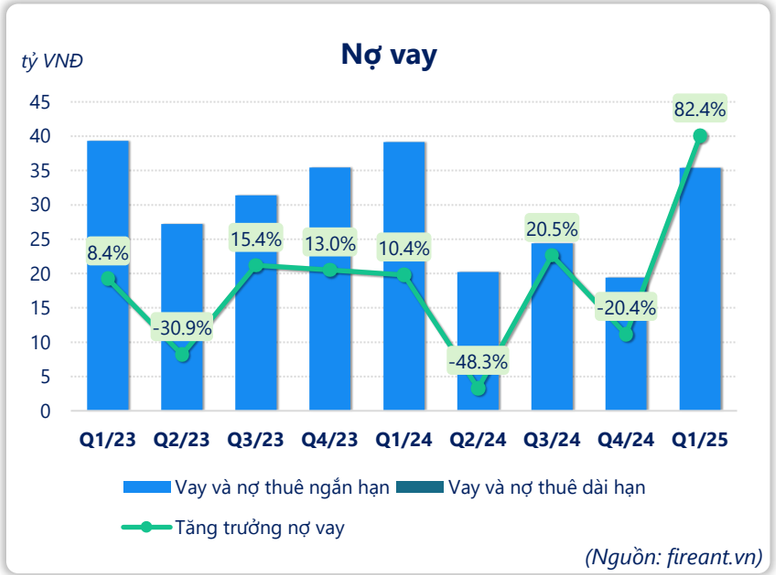

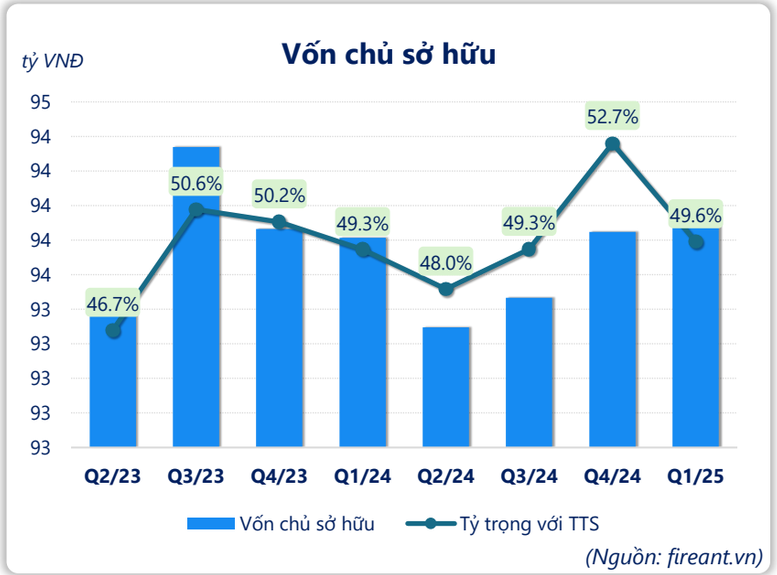

Powered by Infographic

CTCP VICEM Bao bì Bỉm Sơn (HNX: BPC)

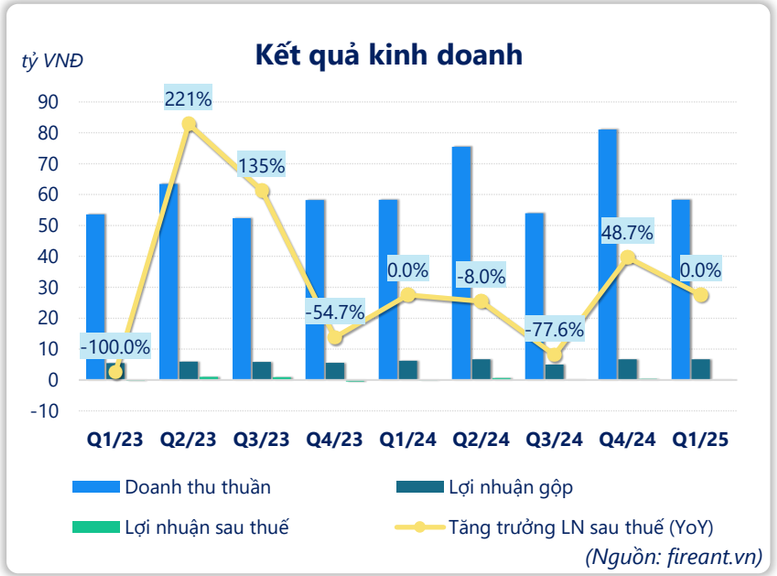

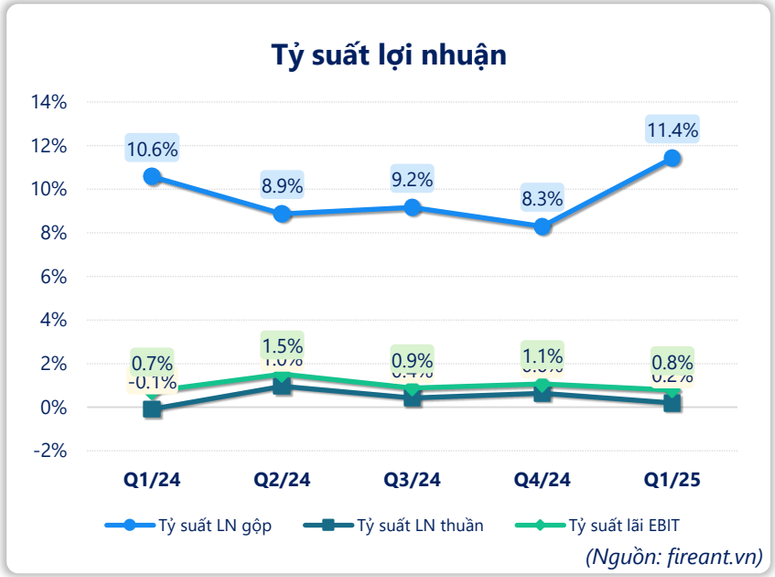

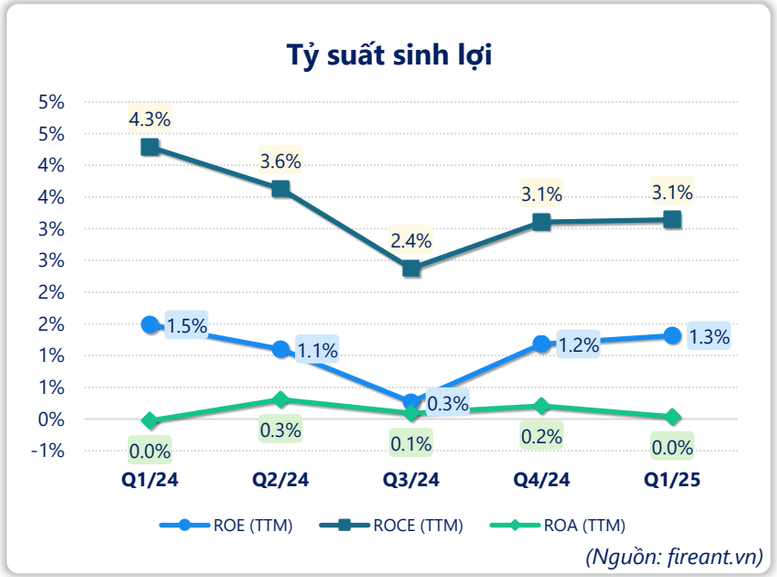

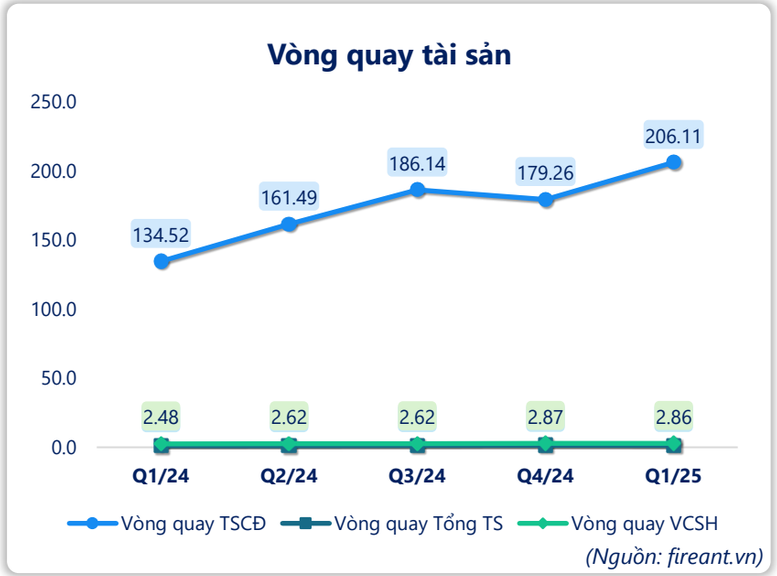

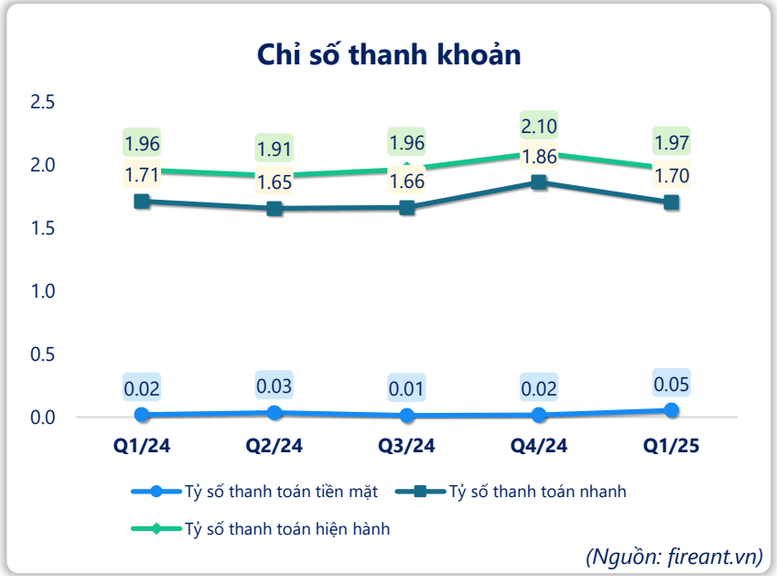

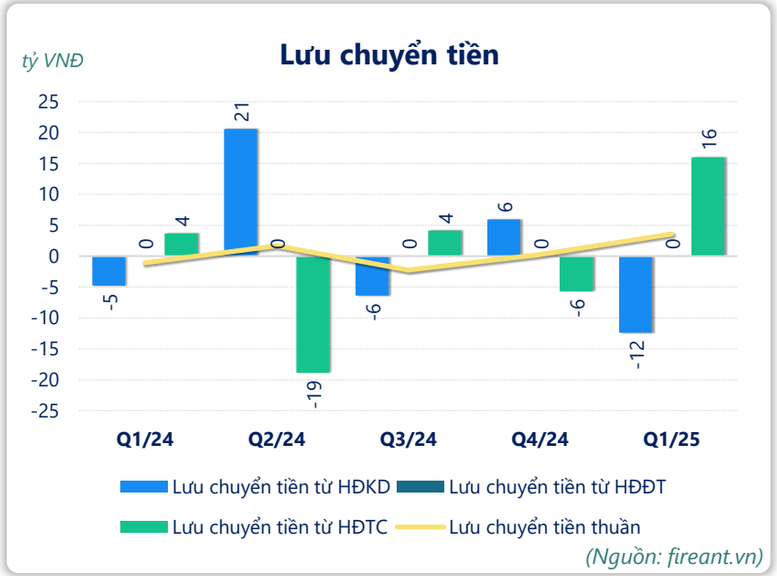

Powered by Infographic

CTCP VICEM Bao bì Bỉm Sơn (HNX: BPC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**190**	**178**	**6.4%**
Tài sản ngắn hạn	188	177	6.6%
Tiền và tương đương tiền	5.07	1.48	242%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.69	0.69	0.0%
Phải thu ngắn hạn	157	155	1.5%
Hàng tồn kho	25.5	19.8	29.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.06	-100%
Tài sản dài hạn	**1.30**	**1.50**	**-13.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.30	1.50	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	95.6	84.3	13.4%
Nợ ngắn hạn	**95.6**	**84.3**	**13.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.4	19.4	82.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.4	53.5	-5.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**93.9**	**93.8**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**93.9**	**93.8**	**0.1%**
Vốn điều lệ	38.0	38.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	58.4	75.5	54.0	81.0	58.3
Giá vốn hàng bán	52.2	68.8	49.0	74.3	51.7
Lợi nhuận gộp	6.17	6.70	4.94	6.72	6.66
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.48	0.48	0.25	0.39	0.32
Chi phí lãi vay	0.48	0.37	0.25	0.29	0.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.50	2.06	1.48	2.06	1.69
Chi phí QLDN	4.24	3.43	2.99	3.76	4.54
LN thuần từ HĐKD	-0.05	0.72	0.23	0.52	0.11
Lợi nhuận khác	0.00	0.05	0.00	0.05	0.03
LN trước thuế	-0.05	0.78	0.23	0.57	0.14
Lợi nhuận sau thuế	-0.05	0.61	0.17	0.38	0.07
LNST của CĐ cty mẹ	-0.05	0.61	0.17	0.38	0.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.76	20.6	-6.39	5.96	-12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.68	-18.9	4.14	-5.71	16.0
Tiền đầu kỳ	2.87	1.79	3.48	1.23	1.48
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.08**	**1.69**	**-2.25**	**0.25**	**3.58**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.79	3.48	1.23	1.48	5.07

(Nguồn: fireant.vn)